TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2024.
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Chuân.
2. Bà Vũ Thị Hồng Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Tráng Kháy Phìn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/01/2024 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/ 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1959 - Trưởng thôn T.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh L – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 1997, chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ khi về chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không thống nhất với nhau được vấn đề gì trong cách làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, do đó gia đình luôn khó khăn về kinh tế. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên

giải và cả hai vợ chồng cũng đã cố gắng thay đổi, sửa chữa khuyết điểm của bản thân nhưng cuộc sống, tình cảm vợ chồng không hòa thuận được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và từ khoảng tháng 5/2017 vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa cả về kinh tế cũng như tình cảm. Nay Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con: Chị và anh Trần Văn T không ai có con riêng, có 02 con chung: Cháu Trần Văn Q, sinh ngày 22/7/1998 và cháu Trần Quang H, sinh ngày 02/02/2000 hiện nay các cháu đã trưởng thành, không bị bệnh tật gì và tự lo được cho cuộc sống của mình nên Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Trần Văn T tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị và anh Trần Văn T không vay nợ cá nhân, tổ chức nào và không cho ai vay nợ gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và về chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ khi về chung sống, hai vợ chồng hòa thuận hạnh phúc với nhau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cũng do đôi khi bất đồng trong việc làm ăn kinh tế và nuôi dậy con cái nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt như những gia đình khác chứ không có mâu thuẫn gì lớn lao cả. Nhưng từ năm 2020 chị H thường tự ý đi làm ăn xa nhà, không bàn bạc với chồng con và cũng không biết chồng có đồng ý cho đi làm không. Rồi từ đó chị H ít quan tâm đến chồng con, gia đình, thỉnh thoảng mới về qua nhà một vài ngày rồi lại đi. Anh cũng khuyên nhủ, góp ý cho chị H rất nhiều là làm gì cũng nên hỏi ý kiến của chồng con và phải quan tâm đến gia đình. Nhưng chị H không thay đổi vẫn làm theo ý mình và tự xa lánh, lạnh nhạt với anh. Vài năm gần đây anh và chị H đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế gia đình. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn chị H xin ly hôn, anh cũng nhất trí để giải phóng cho chị H.

Về con: Anh và chị Nguyễn Thị H không ai có con riêng, có 02 con chung là: Cháu Trần Văn Q, sinh ngày 22/7/1998 và cháu Trần Quang H, sinh ngày 02/02/2000 hiện nay các cháu đã trưởng thành, không bị bệnh, dị tật gì và có khả năng lao động tự lo được cho cuộc sống của mình nên Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị H tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Anh và chị Nguyễn Thị H không vay nợ cá nhân, tổ chức nào và không cho ai vay nợ gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ: Ủy ban nhân dân xã T và trưởng thôn T, xã T đều xác định: Về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của các đương sự là đúng.

Tại phiên Tòa:

- Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm, ý kiến của mình như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53. Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Giải quyết vụ án theo hướng:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T là quan hệ vợ chồng.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và áp dụng pháp luật: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết "*Ly hôn*" đối với Anh Trần Văn T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và Anh Trần Văn T chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn như vậy hôn nhân giữa anh T, chị H là trái pháp luật, trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2017, cả hai không còn tình cảm với nhau nữa. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T là quan hệ vợ chồng.

[2.2] Về con: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T không ai có con riêng, có 02 con chung là: Cháu Trần Văn Q - sinh ngày 22/7/1998 và cháu Trần Quang H, sinh ngày 02/02/2000 hiện nay các cháu đã trưởng thành, không bị bệnh, dị tật gì, có khả năng lao động và tự lo được cho cuộc sống của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T là vợ chồng.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001413 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Sở tư pháp;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, LĐ, TP, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Vĩnh Thái